TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:102/2026/HNGĐ-ST Ngày: 24 - 6 - 2026 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Thị phương

Ông: Nguyễn Trung Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân, khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân, Khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1008/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 1021/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Chị Quách Thị Y - Sinh năm 1996

Căn cước công dân số: 038196007323

Đăng ký thường trú: Thôn Nguyệt T, xã NA, tỉnh TH.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Trọ O51, DC42, khu phố M, phường AP, thành phố HCM.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn L - Sinh năm 1991

Căn cước công dân số: 038091040466

Địa chỉ: Thôn NB, xã NA, tỉnh TH

Tại phiên toà vắng mặt chị Y và anh L, chị Quách Thị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Văn L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quách Thị Y trình bày: Chị và anh Lê Văn L tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2015 tại UBND xã NA, tỉnh TH. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân trở trở nên bế tắc, không có hạnh phúc, khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, từ cuối năm 2018 cho đến nay chị và anh L sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị và anh Lê Văn L có 01 con chung là Lê Hạnh Trúc N; sinh ngày 02/12/2014. Hiện tại cháu N đang ở ổn định cùng với anh L và ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung cháu Lê Hạnh Trúc N cho anh Lê Văn L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Văn L để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Y nhưng anh L không có mặt nên không có lời khai của anh L và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn L không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35 khoản 4 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Quách Thị Y được ly hôn với anh Lê Văn L. Vợ chồng có 01 con chung Lê Hạnh Trúc N; sinh ngày 02/12/2014. Đề nghị giao cháu N cho anh Lê Văn L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Chị Quách Thị Y cấp dưỡng nuôi con cùng anh L mỗi tháng mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Chị Quách Thị Y được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không

ai được quyền ngăn cấm, cản trở. Chị Quách Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Quách Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Văn L. Theo quy định tại Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - TH.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Lê Văn L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh L theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh Lê Văn L đã được triệu tập đến phiên hoà giải nhưng anh L không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh Lê Văn L lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh L vẫn không có mặt mà không có lý do. Chị Quách Thị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định vào các Điều 227, Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị Quách Thị Y và anh Lê Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị Y và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2015 tại UBND xã NA, tỉnh TH nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc, điều này cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Tòa án cũng đã triệu tập anh L lên làm việc để tiến hành hòa giải, để anh L được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh L không có mặt, thể hiện anh L có ý bỏ mặc, không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân nhau cũng kéo dài từ năm 2018 cho đến nay, như vậy hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại. Đến thời điểm hiện tại chị Y vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị Y và anh L đã lâm vào tình trạng bế tắc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Quách Thị Y được ly hôn với anh Lê Văn L.

[3] Về con chung: Chị Quách Thị Y và anh Lê Văn L có 01 con chung là Lê Hạnh Trúc N; sinh ngày 02/12/2014. Hiện nay cháu N đang ở ổn định với anh L. Ly hôn chị Y đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Lê Hạnh Trúc N cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi thành niên. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt của con, theo nguyện vọng của cháu Lê Hạnh Trúc N, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao nuôi con chung, giao cháu Lê Hạnh Trúc N cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền được

đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Quách Thị Y có nguyện vọng sau khi ly hôn giao con cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Xét nguyện vọng của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận, chị Quách Thị Y cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu N đến tuổi thành niên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Quách Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lê Văn L không trình bày ý kiến về phần tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Quách Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39; 147;227; 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản.

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Căn cứ: Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị Y được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hạnh Trúc N; sinh ngày 02/12/2014 cho anh Lê Văn L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Chị Quách Thị Y được quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quách Thị Y cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến tuổi thành niên. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 06 năm 2026.

3. Về án phí: Chị Quách Thị Y phải chịu án phí dân sự về việc ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng án phí chị Y phải chịu là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0003087 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh TH.

Chị Quách Thị Y còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Y và anh L. Chị Quách Thị Y và anh Lê Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10- TH;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- UBND xã NA, tỉnh TH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương **Nguyễn Trung Tấn** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Triệu Kim Bình **Phạm Thị Diệu** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Phạm Đức Hoàn** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Hà Thị Hòa** **Phạm Xuân Thành**